

當日市場：市場可能出現技術恢復

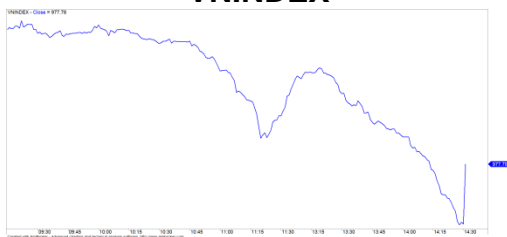
2019/11/22

市場走勢 2019/9/20

市場指數	VNI	HNI	UPCOM
收盤	977.78	103.09	56.40
%日	-1.02%	-1.58%	-0.30%
%週	-2.41%	-1.41%	-0.25%
%月	0.44%	0.70%	-0.05%
%年	7.08%	0.81%	8.66%
成交值(十億盾)			
當日	5,188	254	150
日均量/週	4,600	266	203
日均量/月	4,293	374	238
外資進出			
買進	1,352.89	2.78	15.86
賣出	1,364.04	10.45	18.14
買賣超	-11.14	-7.68	-2.28
市場漲跌家數			
上漲	84	56	116
下跌	209	85	112
持平	95	228	675
市場指標			
P/E	16.36	9.21	17.62
總市值 (兆盾)	3,419	190	973
股息殖利 率	1.52%	4.77%	5.24%

資料源: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



市場走勢

市場大規模的下跌導致指數繼續跳水。VN 指數連續第三盤下跌，跌幅為 1.02%，收於 977.78 點。HNX 指數下跌 1.58%，收於 103.09 點。三大市場的交易價值超過 4 兆 6 千億越南盾，表明拋售壓力仍為主導。下跌的股數是上漲的兩倍，股票係數為負。

賣壓繼續出現在藍籌股上，但 VN30 指數下跌 0.66%，比前一交易日的跌勢有所減少。VHM 波動性很強，因盤中該股跌至近 90,000（即 5%），但收盤時跌幅收窄至 93,500。VRE 也類似，當盤中下跌超過 4%。此外，SAB (-2.5%)，VCB (-2.3%)，BID (-2.4%)，MSN (-1.4%)，GAS (-1%) 等大型股也被強勁拋售。VIC (+0.8%)，BVH (+0.6%)，VPB (+1%) 是當天的交易盤的支撐。

謹慎的情緒也推動了許多股碼的賣壓，如 DXG (-4.5%)，HSG (-7%)，D2D (-7%)，LDG (-6.9%) 或 HAI (-7%)，HCD (-7%)，HVG (-4%) 等最近的投機股碼。

外資賣超 210 億越南盾。集中拋售：VCB (462 億)，VHM (202 億)。相反主要購買：CTG (226 億)，VRE (205 億)。

短線市場觀點

我們認為，市場可能出現技術恢復，尤其是 VN 指數很可能會重新測試 50 天移動均線（即 998 點）。但是，短期風險仍然很高，並且在大幅跳水後，恢復範圍只是技術性。同時，現貨比例繼續急劇下滑，這表明短期戰略仍然是降低現貨比例。

我們的趨勢指標系統在兩個大指數的短期維持下跌趨勢，VN 指數和 HNX 指數的阻力位分別為 1,009.42 點和 105.76 點。因此，我們建議短期投資者可以利用恢復節奏把現貨比例達到建議的水平，並在下一次技術恢復節奏繼續觀察市場。

VN-Index 和 VN30 的中期趨勢已從“上漲”轉為“下跌”。同時，現貨比例急劇減少，因此，我們建議中期投資者考慮重組投資組合，使現貨比例達到建議水平。

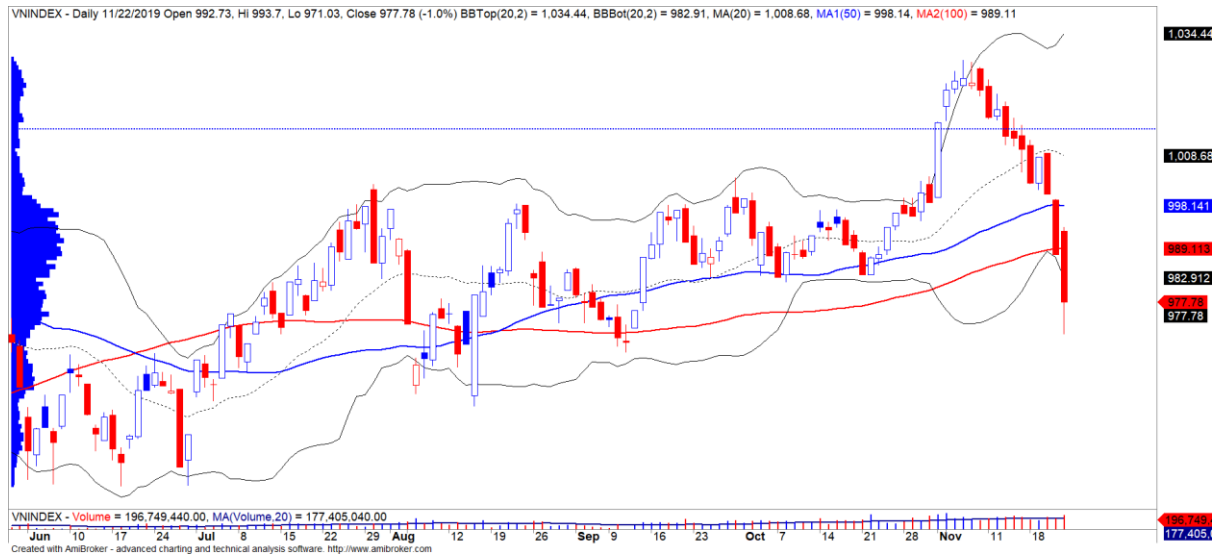
建議短線投資比重：29%股票/71%現金

建議中線投資比重：45%股票/55%現金

(股票趨勢追蹤圖在下一頁內更新)

We Create Fortune

技術分析圖



指數技術分析圖 VN-Index



指數技術分析圖 HNX-Index

指數	短期趨勢	中期趨勢	阻力區 1	阻力區 2	支撐區 1	支撐區 2
VN-Index	下跌	下跌	997	1,000	988	953
HNX-Index	下跌	下跌	106	108	99	90
VN30	下跌	下跌	895	935	877	863
VNMidcaps	下跌	下跌	992	1,030	969	963
VNSmallcaps	下跌	下跌	835	845	822	804

We Create **Fortune**
股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	14.35	GIẢM	GIẢM		15.43				16.59		
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		24.12			24.00	22.57	-3.33%	
ACV	75.50	GIẢM	GIẢM		78.35				82.57		
ANV	24.90	GIẢM	GIẢM		26.33				27.58		
ASM	6.67	TĂNG	GIẢM	6.70	6.45	-0.45%			7.26		
BFC	14.90	GIẢM	GIẢM		15.02				16.18		
BID	40.20	GIẢM	TĂNG	40.80	40.99	0.46%	BÁN	33.40	38.49	20.36%	
BMP	52.10	GIẢM	TĂNG	54.00	52.26	-3.23%	BÁN	48.30	48.32	7.87%	
BSR	9.70	TĂNG	GIẢM	10.00	9.65	-3.00%			10.51		
BVH	70.90	GIẢM	GIẢM		73.35				75.79		
BWE	23.70	GIẢM	GIẢM		24.59				26.99		
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.60				10.19		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	-1.84%	
CMG	38.00	TĂNG	TĂNG	38.90	37.82	-2.31%		23.20	34.96	63.79%	
CMX	14.40	GIẢM	GIẢM		16.55				22.56		
CSM	14.55	GIẢM	TĂNG		14.93			14.39	14.22	1.11%	
CTD	65.60	GIẢM	GIẢM		72.22				82.73		
CTG	21.10	GIẢM	TĂNG		22.03			22.00	20.78	-4.09%	
CTR	48.80	TĂNG	N/A	46.50	47.38	4.95%		-	N/A		
CVT	21.90	GIẢM	TĂNG		23.23			20.35	21.01	7.62%	
DCM	6.91	GIẢM	GIẢM		7.14				7.68		
DGC	26.70	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-1.84%			28.91		
DGW	24.50	GIẢM	TĂNG		26.70			23.50	24.07	4.26%	
DHA	30.10	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-5.49%			32.52		
DHC	39.30	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	19.09%		37.70	34.64	4.24%	
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		96.24				99.56		
DIG	13.05	GIẢM	GIẢM		13.99			13.90	13.14	-5.45%	BÁN
DPG	47.00	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	0.86%			50.61		
DPM	13.15	GIẢM	GIẢM		14.13			14.95	13.37	-10.57%	BÁN
DPR	40.00	TĂNG	GIẢM	37.60	38.75	6.38%			40.40		
DQC	16.70	GIẢM	GIẢM		17.21				18.95		
DRC	22.70	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	5.09%	
DXG	14.90	GIẢM	TĂNG	16.30	15.43	-5.35%	BÁN	15.50	14.86	-3.87%	
EIB	17.00	GIẢM	TĂNG		18.57			18.40	16.46	-7.61%	



We Create Fortune

FCN	10.30	GIẢM	GIẢM		11.42			12.69		
FMC	27.00	GIẢM	TĂNG		27.65		31.60	26.18	-14.56%	
FPT	56.00	GIẢM	TĂNG		58.99		46.00	54.99	21.74%	
GAS	103.10	GIẢM	GIẢM		108.37			109.55		
GEX	20.60	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-4.19%		22.60		
GIL	19.20	GIẢM	GIẢM		20.12			22.73		
GMD	24.00	GIẢM	GIẢM		25.36		26.91	24.57	-8.70%	BÁN
GTN	19.70	GIẢM	TĂNG		21.87		15.00	18.98	31.33%	
GVR	14.00	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-3.45%		N/A		
HAG	4.00	GIẢM	GIẢM		4.18			4.59		
HAX	17.20	GIẢM	GIẢM		18.78			21.69		
HBC	10.85	GIẢM	GIẢM		12.00			13.78		
HCM	24.00	GIẢM	TĂNG		25.87		23.40	22.58	2.56%	
HDB	27.80	GIẢM	TĂNG		29.66		28.00	27.29	-0.71%	
HDC	22.00	GIẢM	TĂNG	23.30	22.47	-3.56%	BÁN	15.25	20.25	44.26%
HDG	34.25	GIẢM	TĂNG		35.54		35.30	32.61	-2.97%	
HNG	14.70	GIẢM	GIẢM		15.23			16.29		
HPG	22.10	GIẢM	GIẢM		22.97			23.82		
HSG	7.61	GIẢM	TĂNG	7.19	7.69	7.02%	BÁN	7.75	6.67	-1.81%
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		15.37		16.90	13.91	-14.20%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%		2.71		
HVN	33.80	GIẢM	GIẢM		35.97			36.93		
KBC	15.25	TĂNG	TĂNG	14.90	14.71	2.35%		15.35	13.91	-0.65%
KDH	26.25	GIẢM	TĂNG		26.73		24.00	24.58	9.38%	
KSB	17.10	GIẢM	GIẢM		18.02			20.51		
LCG	8.77	TĂNG	GIẢM	8.55	8.43	2.57%		9.32		
LDG	9.27	GIẢM	GIẢM		10.52			11.59		
LHG	15.95	TĂNG	GIẢM	15.60	15.88	2.24%		16.89		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%		8.13		
MBB	22.35	GIẢM	TĂNG		23.04		21.85	21.83	2.29%	
MPC	20.10	GIẢM	GIẢM		22.34			26.81		
MSN	70.50	GIẢM	GIẢM		74.93			81.14		
MSR	14.80	GIẢM	GIẢM	17.20	14.93	-13.18%	BÁN	17.20		
MWG	112.00	GIẢM	GIẢM		119.94		88.70	114.78	29.41%	BÁN
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05		13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.09	GIẢM	GIẢM	5.84	6.17	5.73%	BÁN	6.45		
NLG	27.90	GIẢM	TĂNG	28.60	27.93	-2.35%	BÁN	28.70	26.73	-2.79%
NT2	22.75	GIẢM	GIẢM		23.37			24.51		
NTL	22.30	GIẢM	GIẢM		22.96			25.17		



We Create Fortune

NVL	57.00	GIẢM	GIẢM		59.33				62.67		
OIL	9.70	GIẢM	GIẢM		10.24				11.40		
PAC	26.50	GIẢM	GIẢM		27.15				29.71		
PC1	18.60	GIẢM	TĂNG		20.03			21.10	18.48	-11.85%	
PDR	25.90	GIẢM	TĂNG		26.42			29.00	25.01	-10.69%	
PHR	58.00	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-3.01%			65.37		
PLX	58.40	GIẢM	GIẢM	59.30	58.65	-1.09%	BÁN		61.98		
PNJ	81.60	GIẢM	TĂNG		85.92			104.00	78.71	-21.54%	
POW	13.30	GIẢM	GIẢM	12.90	13.30	3.12%	BÁN		13.98		
PVT	17.40	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	0.58%		18.30	16.28	-4.92%	
PPC	26.60	GIẢM	GIẢM	26.20	26.86	2.51%	BÁN		28.36		
PTB	73.20	GIẢM	TĂNG		75.19			64.00	68.51	14.38%	
PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		19.81			20.10	18.62	-4.48%	
PVD	15.65	GIẢM	GIẢM		16.80			18.10	15.96	-11.80%	BÁN
PVI	31.40	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.42%			35.38		
PVS	18.00	GIẢM	GIẢM		19.29				20.75		
PXS	5.80	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	21.85%		6.20	4.83	-6.45%	
QNS	30.20	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	2.72%		33.80	27.86	-10.65%	
REE	36.70	GIẢM	TĂNG	37.95	36.80	-3.04%	BÁN	33.33	35.23	10.13%	
SAB	235.00	GIẢM	GIẢM		255.38				270.96		
SAM	7.99	GIẢM	TĂNG		8.19			7.40	7.58	7.97%	
SCR	5.76	GIẢM	GIẢM		5.84				6.28		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.39			6.99	8.30	28.76%	
SJS	16.40	TĂNG	GIẢM	15.30	15.74	7.19%			16.88		
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.52				11.70		
SSI	20.10	GIẢM	GIẢM		21.33				22.27		
STB	10.25	GIẢM	GIẢM		10.70				11.09		
TCB	23.05	GIẢM	TĂNG		24.84			22.65	23.03	1.77%	
TCM	19.60	GIẢM	GIẢM		20.81				24.25		
TDH	9.96	GIẢM	GIẢM		10.31				11.30		
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%			4.43		
TNG	14.30	GIẢM	GIẢM		14.96				17.60		
VCB	85.50	GIẢM	TĂNG		91.82			62.00	84.02	37.90%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		19.20	25.02	42.19%	
VCS	84.00	GIẢM	GIẢM		89.70				101.04		
VGC	18.50	GIẢM	GIẢM		18.91				20.21		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.66				9.37		
VHC	77.50	GIẢM	GIẢM		80.32				85.93		
VHM	93.50	GIẢM	TĂNG		99.64			90.20	89.66	3.66%	

We Create Fortune

VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		18.00			17.70	16.56	-1.13%	
VIC	116.20	GIẢM	TĂNG		118.65			112.00	113.76	3.75%	
VIP	5.00	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.91%			5.30		
VJC	143.00	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.58%		124.50	137.02	14.86%	
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.71%			14.88		
VNG	20.85	GIẢM	GIẢM		21.52			20.20	21.17	4.78%	BÁN
VNM	121.50	GIẢM	GIẢM		126.59				135.52		
VPB	20.20	GIẢM	GIẢM		21.43			20.30	20.56	1.27%	BÁN
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG	42.20	41.02	-2.80%	BÁN	41.30	39.68	-0.73%	
VRC	20.00	TĂNG	TĂNG	16.05	17.60	24.61%		17.30	15.59	15.61%	
VRE	34.80	TĂNG	TĂNG	32.70	34.20	6.42%		35.05	32.08	-0.71%	
VSC	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	25.50	0.00%	MUA		27.86		

LARGECAPS 大型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		24.12			24.00	22.57	-3.33%	
BID	40.20	GIẢM	TĂNG	40.80	40.99	0.46%	BÁN	33.40	38.49	20.36%	
BSR	9.70	TĂNG	GIẢM	10.00	9.65	-3.00%			10.51		
BVH	70.90	GIẢM	GIẢM		73.35				75.79		
CTG	21.10	GIẢM	TĂNG		22.03			22.00	20.78	-4.09%	
FPT	56.00	GIẢM	TĂNG		58.99			40.23	54.99	39.21%	
GAS	103.10	GIẢM	GIẢM		108.37				109.55		
GEX	20.60	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-4.19%			22.60		
GVR	14.00	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-3.45%			N/A		
HDB	27.80	GIẢM	TĂNG		29.66			28.00	27.29	-0.71%	
HNG	14.70	GIẢM	GIẢM		15.23				16.29		
HPG	22.10	GIẢM	GIẢM		22.97				23.82		
HVN	33.80	GIẢM	GIẢM		35.97				36.93		
KDH	26.25	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	9.38%	
MBB	22.35	GIẢM	TĂNG		23.04			19.72	21.83	13.34%	
MSN	70.50	GIẢM	GIẢM		74.93				81.14		
MWG	112.00	GIẢM	GIẢM		119.94			88.70	114.78	29.41%	BÁN
NVL	57.00	GIẢM	GIẢM		59.33				62.67		
OIL	9.70	GIẢM	GIẢM		10.24				11.40		
PLX	58.40	GIẢM	GIẢM	59.30	58.65	-1.09%	BÁN		61.98		
PNJ	81.60	GIẢM	TĂNG		85.92			77.07	78.71	5.87%	

We Create Fortune

POW	13.30	GIẢM	GIẢM	12.90	13.30	3.12%	BÁN		13.98		
QNS	30.20	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	2.72%		33.26	27.86	-9.19%	
REE	36.70	GIẢM	TĂNG	37.95	36.80	-3.04%	BÁN	33.33	35.23	10.13%	
ROS	24.95	GIẢM	GIẢM		25.92				27.61		
SBT	18.20	GIẢM	TĂNG	18.90	18.25	-3.45%	BÁN	17.50	17.46	4.00%	
SSI	20.10	GIẢM	GIẢM		21.33				22.27		
STB	10.25	GIẢM	GIẢM		10.70				11.09		
TCB	23.05	GIẢM	TĂNG		24.84			22.65	23.03	1.77%	
TPB	21.80	GIẢM	GIẢM	22.70	22.12	-2.55%	BÁN		23.94		
VCB	85.50	GIẢM	TĂNG		91.82			62.00	84.02	37.90%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		18.44	25.02	48.04%	
VCS	84.00	GIẢM	GIẢM		89.70				101.04		
VEA	48.00	GIẢM	GIẢM		50.92				59.45		
VGI	28.50	GIẢM	N/A		31.15				N/A		
VHM	93.50	GIẢM	TĂNG		99.64			89.13	89.66	4.91%	
VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		18.00			15.00	16.56	16.63%	
VIC	116.20	GIẢM	TĂNG		118.65			112.00	113.76	3.75%	
VJC	143.00	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.58%		124.50	137.02	14.86%	
VNM	121.50	GIẢM	GIẢM		126.59				135.52		
VPB	20.20	GIẢM	GIẢM		21.43			20.30	20.56	1.27%	BÁN
VRE	34.80	TĂNG	TĂNG	32.70	34.20	6.42%		35.05	32.08	-0.71%	

MIDCAPS 中型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	14.35	GIẢM	GIẢM		15.43				16.59		
ANV	24.90	GIẢM	GIẢM		26.33				27.58		
ASM	6.67	TĂNG	GIẢM	6.70	6.45	-0.45%			7.26		
BMI	26.35	GIẢM	TĂNG		26.84			26.70	23.99	-1.31%	
BMP	52.10	GIẢM	TĂNG	54.00	52.26	-3.23%	BÁN	48.30	48.32	7.87%	
BWE	23.70	GIẢM	GIẢM		24.59				26.99		
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.60				10.19		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	-1.84%	
CRE	24.20	GIẢM	GIẢM		24.83				25.69		
CTI	23.00	GIẢM	TĂNG		24.52			25.05	22.66	-8.18%	
CTR	48.80	TĂNG	GIẢM	46.50	47.38	4.95%			53.42		
D2D	83.00	GIẢM	TĂNG	72.50	84.75	16.90%	BÁN	83.10	72.16	-0.12%	

We Create Fortune

DBD	59.90	GIẢM	TĂNG		63.68			38.65	53.80	54.97%	
DCM	6.91	GIẢM	GIẢM		7.14				7.68		
DGW	24.50	GIẢM	TĂNG		26.70			23.04	24.07	6.34%	
DHC	39.30	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	19.09%		37.70	34.64	4.24%	
DIG	13.05	GIẢM	GIẢM		13.99			13.90	13.14	-5.45%	BÁN
DPG	47.00	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	0.86%			50.61		
DPM	13.15	GIẢM	GIẢM		14.13			14.95	13.37	-10.57%	BÁN
DRC	22.70	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	5.09%	
DXG	14.90	GIẢM	TĂNG	16.30	15.43	-5.35%	BÁN	15.50	14.86	-3.87%	
E1VFN30	14.87	GIẢM	TĂNG		15.48			15.26	14.84	-2.56%	
FCN	10.30	GIẢM	GIẢM		11.42				12.69		
FLC	4.59	TĂNG	TĂNG	4.61	4.16	-0.43%		4.63	4.02	-0.86%	
GEG	28.05	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-0.18%		12.50	25.32	124.36%	
GMD	24.00	GIẢM	GIẢM		25.36			26.91	24.57	-8.70%	BÁN
GTN	19.70	GIẢM	TĂNG		21.87			15.00	18.98	31.33%	
HAG	4.00	GIẢM	GIẢM		4.18				4.59		
HBC	10.85	GIẢM	GIẢM		12.00				13.78		
HCM	24.00	GIẢM	TĂNG		25.87			23.40	22.58	2.56%	
HDC	22.00	GIẢM	TĂNG	23.30	22.47	-3.56%	BÁN	15.25	20.25	44.26%	
HDG	34.25	GIẢM	TĂNG		35.54			35.30	32.61	-2.97%	
HPX	26.60	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-3.27%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.61	GIẢM	TĂNG	7.19	7.69	7.02%	BÁN	7.75	6.67	-1.81%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-14.20%	
HTM	16.10	TĂNG	GIẢM	16.00	14.14	0.63%			18.47		
IBC	21.20	TĂNG	GIẢM	20.60	20.79	2.91%			21.22		
IDI	5.36	TĂNG	TĂNG	5.46	5.23	-1.83%		7.53	5.22	-28.82%	
IJC	15.50	TĂNG	TĂNG	16.15	15.25	-4.02%		13.10	13.74	18.32%	
ITA	3.06	GIẢM	TĂNG		3.23			3.20	2.96	-4.38%	
KBC	15.25	TĂNG	TĂNG	14.90	14.71	2.35%		14.85	13.91	2.72%	
KDC	20.50	GIẢM	TĂNG		21.63			21.90	19.02	-6.39%	
KOS	27.70	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.36%		26.30	25.20	5.32%	
KSB	17.10	GIẢM	GIẢM		18.02				20.51		
LDG	9.27	GIẢM	GIẢM		10.52				11.59		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%			8.13		
MBG	37.70	GIẢM	GIẢM		42.34			5.10	43.69	756.69%	BÁN
MBS	14.70	TĂNG	GIẢM	14.70	14.61	0.00%	MUA		15.75		
MPC	20.10	GIẢM	GIẢM		22.34				26.81		
NBB	20.50	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	-1.68%			22.02		



We Create Fortune

NKG	6.09	GIẢM	GIẢM	5.84	6.17	5.73%	BÁN		6.45		
NLG	27.90	GIẢM	TĂNG	28.60	27.93	-2.35%	BÁN	26.28	26.73	6.16%	
NT2	22.75	GIẢM	GIẢM		23.37				24.51		
NTL	22.30	GIẢM	GIẢM		22.96				25.17		
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	19.74%		8.50	8.20	7.06%	
OGC	3.77	GIẢM	GIẢM		4.02				4.28		
PC1	18.60	GIẢM	TĂNG		20.03			19.30	18.48	-3.63%	
PDR	25.90	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	9.77%	
PHR	58.00	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-3.01%			65.37		
PPC	26.60	GIẢM	GIẢM	26.20	26.86	2.51%	BÁN		28.36		
PTB	73.20	GIẢM	TĂNG		75.19			60.78	68.51	20.43%	
PVD	15.65	GIẢM	GIẢM		16.80			18.10	15.96	-11.80%	BÁN
PVI	31.40	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.42%			35.38		
PVS	18.00	GIẢM	GIẢM		19.29				20.75		
PVT	17.40	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	0.58%		17.31	16.28	0.55%	
QCG	4.38	GIẢM	GIẢM		4.63				5.17		
SCR	5.76	GIẢM	GIẢM		5.84				6.28		
SGP	8.10	GIẢM	GIẢM		8.82				10.88		
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM	6.60	6.45	-2.21%	BÁN		6.86		
SHS	8.00	GIẢM	TĂNG	7.30	8.12	11.17%	BÁN	8.40	7.36	-4.76%	
SZC	17.50	TĂNG	#N/A	18.15	17.25	-3.58%			#N/A		
TCH	26.90	TĂNG	TĂNG	23.30	24.91	15.45%		26.15	21.70	2.87%	
TCM	19.60	GIẢM	GIẢM		20.81				24.25		
TDH	9.96	GIẢM	GIẢM		10.31				11.30		
TNG	14.30	GIẢM	GIẢM		14.96				17.60		
TTB	10.50	GIẢM	GIẢM		12.62				17.90		
VGC	18.50	GIẢM	GIẢM		18.91				20.21		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.66				9.37		
VHC	77.50	GIẢM	GIẢM		80.32				85.93		
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.71%			14.88		
VNG	20.85	GIẢM	GIẢM		21.52			20.20	21.17	4.78%	BÁN
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG	42.20	41.02	-2.80%	BÁN	41.30	39.68	-0.73%	

We Create Fortune

SMALLCAPS 小型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAV	8.70	GIẢM	GIẢM		9.11				10.06		
AGR	4.00	GIẢM	GIẢM		4.21				4.65		
AMD	1.71	TĂNG	TĂNG	1.77	1.66	-3.39%		1.70	1.44	0.59%	
APG	9.70	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	10.73%		9.90	8.56	-2.02%	
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%			2.25		
BCG	8.41	GIẢM	TĂNG		9.51			6.39	7.47	31.61%	
C4G	5.90	GIẢM	GIẢM		6.48				7.63		
C69	10.00	GIẢM	GIẢM		13.67				21.31		
CCL	6.40	GIẢM	GIẢM		6.71				8.11		
CVT	21.90	GIẢM	TĂNG		23.23			20.35	21.01	7.62%	
DAH	9.48	GIẢM	GIẢM		10.31				11.48		
DLG	1.52	GIẢM	GIẢM		1.67				1.65		
DRH	4.46	GIẢM	GIẢM		4.99				6.06		
DTD	11.10	GIẢM	GIẢM		12.31				14.65		
EVG	2.67	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.96%			2.90		
FIT	4.15	GIẢM	TĂNG		4.47			3.64	3.79	14.01%	
FTM	2.82	GIẢM	GIẢM		3.24				5.84		
FUES SV50	12.95	GIẢM	GIẢM		13.36			12.85	13.14	2.27%	BÁN
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	-0.67%			15.54		
HAH	12.40	GIẢM	GIẢM		13.03				14.33		
HAI	2.14	TĂNG	TĂNG	1.69	2.14	26.63%		1.88	1.78	13.83%	
HAR	3.70	GIẢM	TĂNG		4.07			3.90	3.28	-5.13%	
HDA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.09				12.03		
HHP	11.80	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-3.28%			13.51		
HHS	3.06	GIẢM	TĂNG		3.18			3.36	2.94	-8.93%	
HID	2.25	GIẢM	TĂNG		2.49			2.63	2.16	-14.45%	
HII	10.05	GIẢM	GIẢM		10.71				12.28		
HQC	1.03	GIẢM	GIẢM		1.10				1.21		
HSL	7.58	GIẢM	GIẢM		7.91				9.05		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVG	7.51	TĂNG	TĂNG	7.82	6.21	-3.96%		3.90	6.00	92.56%	
HVH	17.25	GIẢM	GIẢM		18.04				20.94		
IDJ	7.20	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	0.00%	
JVC	4.10	GIẢM	GIẢM		4.32				4.75		



We Create Fortune

KLF	1.20	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-14.29%		1.48		
LCG	8.77	TĂNG	GIẢM	8.55	8.43	2.57%		9.32		
LGL	9.10	GIẢM	TĂNG		9.45		7.11	8.39	27.93%	
LHG	15.95	TĂNG	GIẢM	15.60	15.88	2.24%		16.89		
LMH	12.60	GIẢM	#N/A		12.81			#N/A		
MST	4.30	TĂNG	TĂNG	3.80	3.84	13.16%		3.40	3.27	26.47%
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05		13.10	16.27	26.68%	
PHC	11.60	GIẢM	TĂNG		12.21		14.20	11.21	-18.31%	
PLP	9.95	GIẢM	GIẢM		10.52			11.85		
PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		19.81		19.42	18.62	-1.12%	
PVC	7.30	GIẢM	TĂNG		7.68		6.70	6.66	8.96%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.40			1.50		
PXL	7.30	TĂNG	TĂNG	5.50	6.73	32.73%		6.70	5.45	8.96%
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.39		5.77	8.30	56.11%	
SJF	2.20	GIẢM	GIẢM		2.30			2.79		
SPP	2.00	GIẢM	GIẢM		2.32			2.90		
TDC	8.50	GIẢM	TĂNG		8.86		7.05	8.48	20.50%	
TIG	5.70	GIẢM	TĂNG		5.88		3.20	4.54	78.13%	
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%		4.43		
TNA	22.00	TĂNG	TĂNG	13.70	20.07	60.58%		11.45	17.08	92.12%
TNI	10.25	TĂNG	GIẢM	10.20	10.05	0.49%		10.89		
TSC	2.83	GIẢM	GIẢM		3.48		1.58	3.19	101.84%	BÁN
TTF	2.79	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-5.42%		3.21		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.90	2.59	-10.34%		3.16		
TVC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.55		14.30	14.38	3.50%	
VC3	17.50	TĂNG	TĂNG	25.50	17.06	-31.37%		22.00	16.32	-20.45%
VCR	12.80	GIẢM	GIẢM		15.84			21.17		
VNA	4.20	GIẢM	TĂNG		4.47		4.70	3.92	-10.64%	
VNE	3.58	GIẢM	GIẢM		3.66			3.70		
VRC	20.00	TĂNG	TĂNG	16.05	17.60	24.61%		17.30	15.59	15.61%

We Create Fortune

胡志明市交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
VNI	977.78	-1.02%
VN30	892.31	-0.66%
VN Mid	954.84	-1.25%
VN Small	777.87	-1.32%

河內交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
HNI	103.09	-1.58%
HN30	183.12	-1.50%
VNX AllSh	863.01	-0.76%

UPCOM 市場 (UPCoM)

	收盤	漲跌%
UPCoM	56.4	-0.30%

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	1352.89	
賣出	1364.04	
買超/賣超	-11.14	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	2.78	
賣出	10.45	
買超/賣超	-7.68	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	15.86	
賣出	18.14	
買超/賣超	-2.28	

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
VSC	1700	6.91%
TCH	1300	5.08%
SCR	260	4.73%
VRC	850	4.44%
TNA	500	2.33%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
MBG	3400	9.91%
MBS	600	4.26%
TNG	200	1.42%
NVB	100	1.11%
CEO	100	1.09%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
BCM	940	3.36%
HTM	210	1.32%
NTC	2150	1.28%
PXL	30	0.34%
BOT	180	0.33%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
SMB	-4600	-10.82%
HSG	-570	-6.97%
D2D	-6200	-6.95%
LDG	-690	-6.93%
BCG	-590	-6.56%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
VCR	-1400	-9.86%
SHS	-300	-3.61%
VCS	-2900	-3.34%
ACB	-800	-3.33%
PVS	-400	-2.17%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
MPC	-850	-4.02%
BSR	-250	-2.51%
VEA	-1020	-2.07%
LPB	-140	-1.86%
VGI	-530	-1.79%

*備註：市值>5,000 億盾；成交值>15 億盾

市值排名/股碼	十億盾
VIC	385,786
VCB	324,527
VHM	319,209
VNM	212,448
GAS	199,242

市值排名/股碼	十億盾
ACB	39,756
VCS	13,904
VCG	12,059
PVS	8,795
SHB	7,820

市值排名/股碼	十億盾
ACV	165,992
VGI	89,887
VEA	65,720
GVR	56,648
MCH	52,164

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
ROS	33,248,940	28,176,151
HSG	10,135,850	4,058,268
VPB	9,263,987	3,999,587
FLC	9,240,090	15,876,873
VNM	7,449,600	1,500,243

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
ACB	3,443,603	4,947,886
PVS	2,463,836	1,717,321
SHB	2,266,356	2,966,748
HUT	1,604,100	1,304,892
MBS	1,105,330	282,263

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
BSR	3,334,631	2,336,381
DDV	2,439,500	95,983
EVF	2,323,842	155,145
KSH	1,351,250	93,268
VIB	703,837	713,797

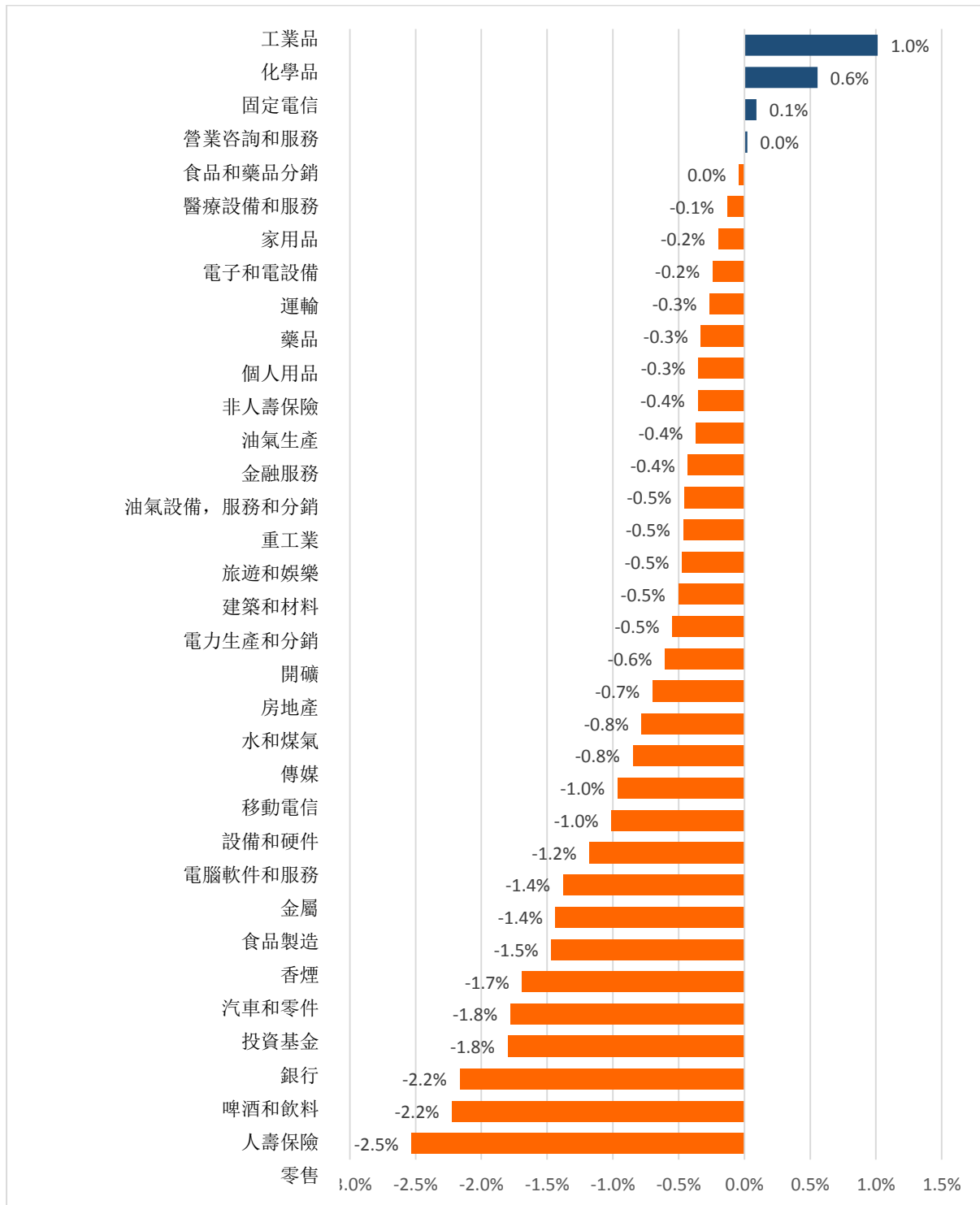
資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

We Create Fortune

各行業板塊的交易走勢



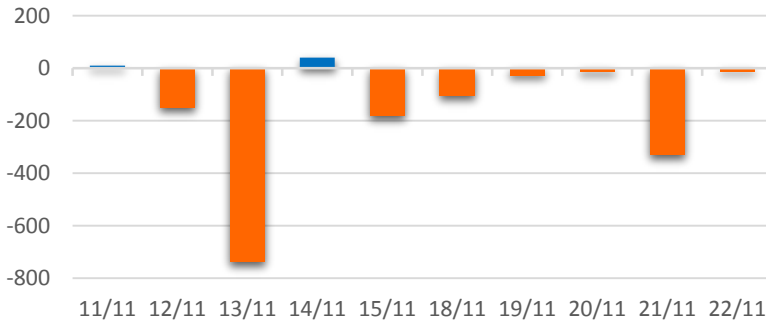
資料源: FiinPro - YSVN



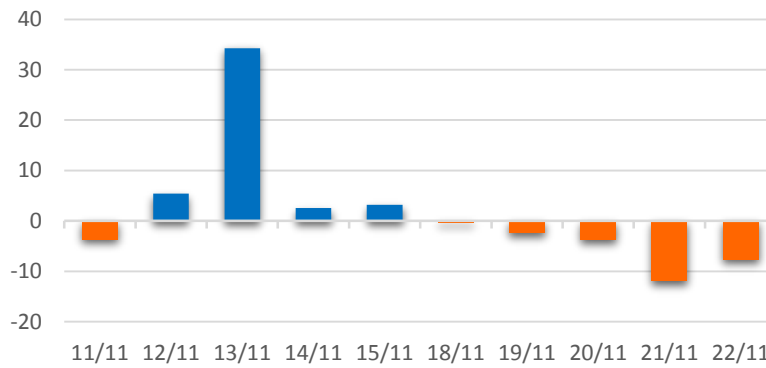
We Create Fortune

外資買進賣統計

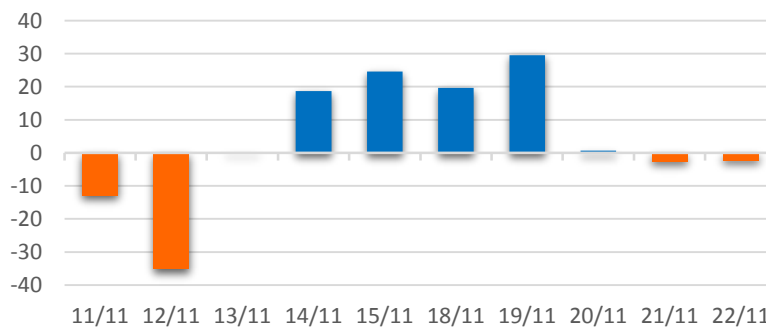
HSX 外資每日買/賣超



HNX 外資每日買/賣超



UPCOM 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
CTG	22,681	VCB	46,210
VRE	20,508	VHM	20,213
E1VFN30	18,142	VJC	12,934
HPG	17,697	SAB	10,322
PLX	8,881	VGC	10,226

HSX 外資買/賣超的前 5 名

證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
CEO	1,419	PVS	6,193
TNG	509	MBG	3,279
SLS	140	TPP	185
BVS	114	NHC	173
NBC	99	PSD	167

HNX 外資買/賣超的前 5 名

證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
QNS	3,359	VEA	9,210
ACV	2,887	MPC	749
SIP	1,855	SDI	640
VTP	710	BCM	532
VNA	190	RCD	407

UPCOM 外資買/賣超的前 5 名

源: FiinPro – YSVN



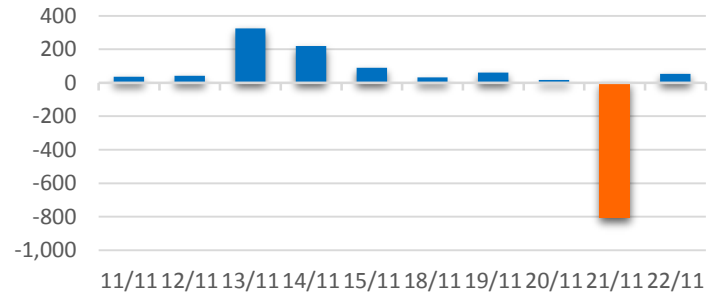
We Create **Fortune**

自營進出統計

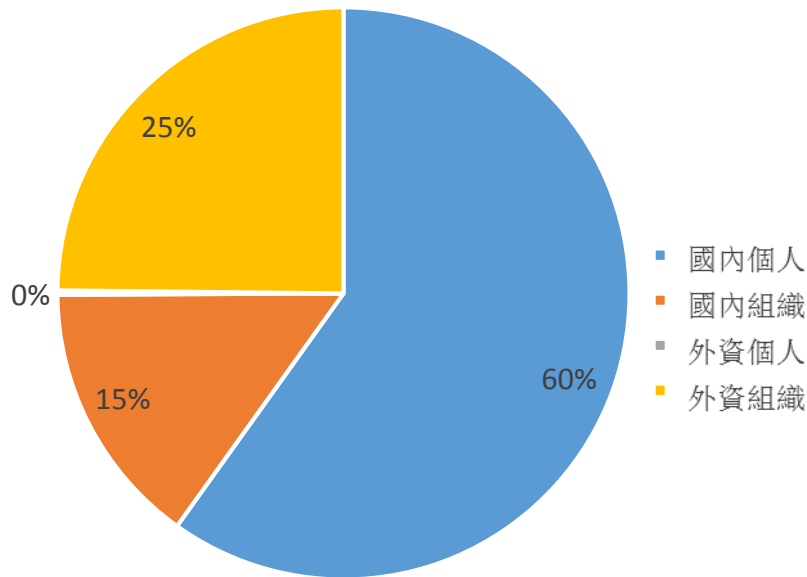
證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
MBB	16,648	E1VFN30	26,517
HPG	13,164	HPG	11,777
VNM	11,560	VHM	9,069
FPT	11,521	MBB	8,957
VCB	10,531	VNM	6,955

券商自營交易最大前名

券商自營交易每日買/賣超 (bil.VND)



越南證券市場投資人類別統計

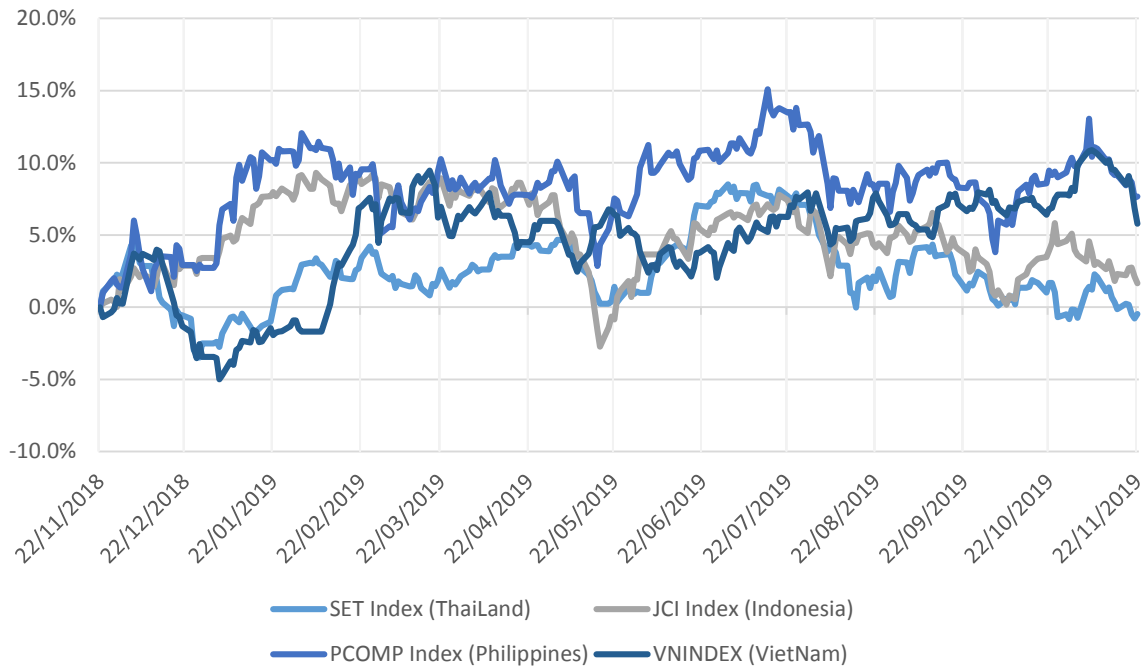


資料源: FiiPro - YSVN



We Create Fortune

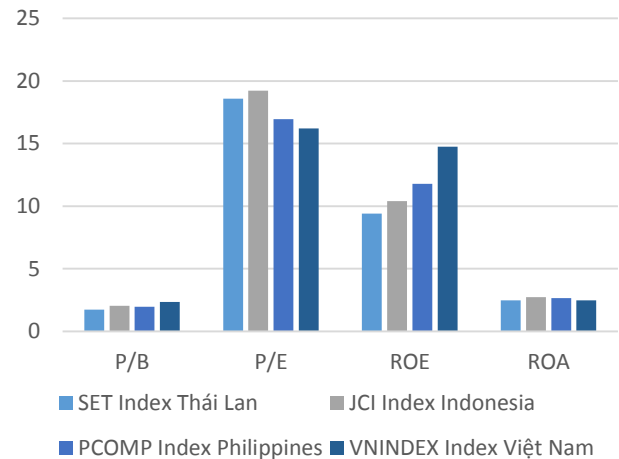
東南亞主要市場走勢比較



東南亞主要市場數據

		Thailand	Indonesia	Philippines	Vietnam
P/B		1.8x	2.0x	2.0x	2.4x
P/E		18.7x	19.3x	17.1x	16.4x
ROE	%	9.39	10.41	11.79	14.75
ROA	%	2.46	2.74	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	558.15	503.89	194.22	148.18
GTGD	Triệu USD	1.34	0.36	0.10	0.14
LS cổ tức	%	3.12	2.46	1.63	2.03

BloomBerg & YSVN





We Create **Fortune**

元大證券（越南）公司

個人客戶分析部

Nguyễn Th ê Minh

研究分析經理

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Phạm Tấn Phát

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

個人客戶業務部

Nguyễn Thanh Tùng

總公司業務經理

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

華人客戶部經理

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Qu ê

堤岸分行經理

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

河內分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

平陽分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

同奈分行經理

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

河內南部營業中心經理

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Đình Tuấn

峴港分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written